TÒA ÁN ND HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 37/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 15-9-2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1: Ông Bùi Thạch Sơn

2. Ông Phương Huy Quân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2017/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh T

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Phạm Thái N, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh T

Nơi công tác: Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp vùng T - Thôn A, xã F, huyện E, tỉnh L

(Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Phạm Thái N kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, tới tháng 02/2016 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do chị phát hiện anh N có quan hệ với một người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng nhiều lần sảy ra cãi vã, mẫu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được nên sau khi sinh con được 1 tháng chị đã mang con về bên ngoại sống. Từ khi chị mang con về bên ngoại, chỉ vì những lý do liên quan đến việc đón con, thăm con và chăm sóc con chung mà hai vợ chồng càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nhiều lần còn cãi vã, xô xát khiến chính quyền địa phương phải xuống can thiệp, hòa giải. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ khi sảy ra mâu thuẫn cho đến nay.

Tại phiên toà hôm nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng dẫn tới cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thái N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 17/5/2016. Nguyện vọng sau khi vợ chồng ly hôn chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Phạm Thái N trình bày:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng đôi khi có sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm, tính cách không hợp, nhưng vẫn chưa quá trầm trọng. Tuy nhiên, sau khi sinh con được hơn 1 tháng chị T tự mang con về nhà bố mẹ đẻ ở xóm Đ, xã H sống. Anh đã nhiều lần tới thuyết phục, khuyên giải nhưng chị T không mang con về và cũng không nói lý do tại sao, hiện tại chị T còn đi làm, trước đó thì chỉ ở nhà. Quan điểm hiện tại của anh là không muốn ly hôn do con còn quá nhỏ và xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa phải quá trầm trọng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 17/5/2016, hiện con đang ở cùng với mẹ. Nguyện vọng nếu vợ chồng ly hôn, anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có gì

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS như việc xác định thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng, cho đương sự viết tự khai, ủy thác thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân, mở phiên họp, tống đạt các văn bản tố tụng…Thời hạn xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX và thư ký phiên tòa chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

Bị đơn: Cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được HĐXX xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Áp dụng Điều 21, 147 Bộ luật TTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, đề nghị HĐXX quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 17/5/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung. Về cấp dưỡng chị T không có yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:*

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn là chị Trần Thị T, trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ và bị đơn là anh Phạm Thái N, Trú tại: Xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã tiến hành tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự theo quy định tại các Điều 174, 175,177, 196 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do chị Trần Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và bị đơn anh Phạm Thái N có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các buổi hòa giải, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm, nên vụ án không tiến hành hòa giải, được đưa ra xét xử. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thái N.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Phạm Thái N kết hôn với nhau từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Tới đầu năm 2016 thì sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không thống nhất được với nhau trong việc đưa đón, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung nên thường xuyên sảy ra cãi vã, xô xát, nhiều lần chính quyền địa phương nơi cư trú phải đến can thiệp, hòa giải. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2017, ông Phạm Thái Đ và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của anh Phạm Thái N xác định: Trong quá trình chung sống, đặc biệt từ khoảng giữa năm 2016 trở lại đây, anh Nvà chị T thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân chủ yếu là do mâu thuẫn trong việc đi lại thăm nom và đón con chung. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can nhưng không được, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn. Cũng tại buổi làm việc, ông Vũ Đình N là Công an viên xã H phụ trách quản lý địa bàn xóm V, xã H cho biết: Chị T và anh N nhiều lần sảy ra mâu thuẫn, cãi vã rồi dẫn đến đánh nhau. Bản thân ông và Trưởng xóm V, Hội trưởng hội phụ nữ xóm V nhiều lần phải xuống hòa giải.

Qua đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 17/5/2016, hiện đang sống cùng với chị T. Quan điểm của cả hai bên đương sự sau khi ly hôn đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả chị T và anh N đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, tuy nhiên hiện tại cháu Phạm Anh K chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình " *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trưởng hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nôi dưỡng, giáo dục con*…" Do đó, cần giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N vì chị T chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 174, 175, 177, 196, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; các Điều 56,57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Thái N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 17/5/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N vì chị T chưa có yêu cầu.

Anh Phạm Thái N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung*:* Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí*:* Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015665 ngày 27-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn (chị T), vắng mặt bị đơn (anh N). Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh N biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh T;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Đức Thuận